

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06/8/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Luyến; Bà Hoàng Thị Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thế - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lường Thị H**; sinh năm 1993;

Địa chỉ: **bản S, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Hà Văn T**; sinh năm 1988;

Địa chỉ: **bản V, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu** (vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị **Lường Thị H** trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Hà Văn T** tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **M, huyện T, tỉnh Lai Châu**. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị hạnh phúc được khoảng 08 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung.

Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, hai vợ chồng đã không chung sống với nhau từ tháng 3/2021 đến nay càng khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và không thể duy trì được nữa, để chấm dứt quan hệ với anh **T**, chị **H** làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Hà Văn T**.

Về con chung: chị **Lương Thị H** và anh **Hà Văn T** có 01 con chung là cháu **Hà Thị Bảo N**, sinh ngày 09/12/2015 khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung đến khi con chung thành niên và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị **H** và anh **T** tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh **Hà Văn T**: từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa, anh **T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, Quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ do chị **H** giao nộp và Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định việc chị **H** giao nộp và cung cấp cho Tòa án địa chỉ của bị đơn **Hà Văn T** là đúng và đảm bảo.

Như vậy, Tòa án đã làm đầy đủ những thủ tục mà tố tụng dân sự quy định đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh **Hà Văn T** nhưng anh **T** không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã xác minh tại địa phương nơi anh **T** đăng ký hộ khẩu thường trú: Tại thời điểm thụ lý và giải quyết vụ án anh **T** vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương, chưa chuyển khẩu hoặc tách khẩu, chuyên, xuất nhập cảnh đi ra nước ngoài. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt đầy đủ nhưng anh **T** không có mặt để tham gia tố tụng, do vậy, nên trong hồ sơ vụ án không thể hiện lời khai của anh **Hà Văn T**.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị **H** vẫn giữ nguyên các nội dung đã yêu cầu; anh **T** mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, công bố đơn của chị **H**. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước khi mở phiên tòa bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **T** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử theo các Điều 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228;

Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị **Lường Thị H** được ly hôn với anh **Hà Văn T**.

Về con chung: Giao cho chị **Lường Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu **Hà Thị Bảo N**, sinh ngày 09/12/2015 cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị **Lường Thị H** không yêu cầu anh **Hà Văn T** cấp dưỡng nuôi con chung nên không phải giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: chị **H** và anh **T** tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Án phí: chị **Lường Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị **Lường Thị H** yêu cầu ly hôn anh **Hà Văn T** là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh **Hà Văn T** cư trú tại bản Vè, xã M, huyện T có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên theo Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Nguyên đơn chị **Lường Thị H** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Hà Văn T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng từ thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử nhưng anh **T** không có mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227; Điều 228; Điều 238 – Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị **Lường Thị H** và anh **Hà Văn T** tự nguyện tìm hiểu xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu vào ngày 18/12/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 8 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh lên làm việc nhưng anh **T** không có mặt để tham gia tố tụng, cho thấy anh **T** không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình với chị **H**. Hai vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2021. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị **H** và anh **T** là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh

phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị **H** là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị **Lường Thị H** và anh **Hà Văn T** có 01 con chung là cháu **Hà Thị Bảo N**, sinh ngày 09/12/2015, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành lấy lời khai của cháu **N** theo quy định, cháu có nguyện vọng ở với chị **Lường Thị H**. Hiện tại cháu đang sống cùng chị **H**, hơn nữa cháu **N** lại là con gái nên việc gần gũi chăm sóc sinh hoạt cần bàn tay chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho chị **Lường Thị H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 81 – Luật hôn nhân gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị **H** không có yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị **H** và anh **T** sẽ tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Lường Thị H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 143, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 267; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lường Thị H**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Lường Thị H** ly hôn với anh **Hà Văn T**.

* **Về nuôi con chung:** Giao cho chị **Lường Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu **Hà Thị Bảo N**, sinh

ngày 09/12/2015 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị **Lường Thị H** không yêu cầu anh **Hà Văn T** cấp dưỡng nên không phải giải quyết.

Anh **Hà Văn T** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị **Lường Thị H**. Chị **H** có quyền yêu cầu anh **T** cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh **Hà Văn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **H** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

* **Về tài sản chung, nợ chung:** chị **Lường Thị H** và anh **Hà Văn T** sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị **Lường Thị H** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Xác nhận chị **Lường Thị H** đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000787 ngày 04/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu. Nay chuyển số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng thành án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Việt Hà Hoàng Thị Luyện

Lương Thị Mỹ Hằng

